

Số: 37/2024/QĐST- HNGĐ

Quảng Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07/6/2024, giữa:

Nguyên đơn: **Nông Thị N**, sinh năm 1995;

Nơi ĐKKHTT: **Xóm B, xã B, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.**

Nơi ở hiện tại khi ly hôn: **Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.**

Bị đơn: **Triệu Văn Ê**, sinh năm 1993;

Nơi ĐKKHTT và nơi ở hiện tại: **Xóm B, xã B, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**, người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T** – Tổng giám đốc ủy quyền cho Giám đốc **Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C**, tỉnh Cao Bằng (Theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án). Người được ủy quyền lại: Bà **Đặng Thị Ngọc L** – Phó Giám đốc **phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C** (theo Quyết định số 43/QĐ-NHCS ngày 10/3/2023 về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án).

Căn cứ vào Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nông Thị N** và anh **Triệu Văn Ê**. Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cao Bằng (nay là xã B, huyện Q, tỉnh Cao Bằng) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nông Thị N** và anh **Triệu Văn Ê** đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị **Nông Thị N** và anh **Triệu Văn Ê** cùng thoả thuận để chị **Nông Thị N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu **Triệu Thị Thanh T1**, sinh ngày 17/02/2018 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị **Nông Thị N** tự nguyện không yêu cầu anh **Triệu Văn Ê** cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về vay nợ chung: Chị **Nông Thị N** và anh **Triệu Văn Ê** cùng thỏa thuận: Chị **Nông Thị N** có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh khi hợp đồng đáo hạn; Anh **Triệu Văn Ê** có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh khi hợp đồng đáo hạn (theo hợp đồng tín dụng số 6600000719612139 ngày 06 tháng 02 năm 2021 và theo biên bản thỏa thuận ngày 02/8/2024). Việc thỏa thuận này được sự nhất trí của Ngân hàng chính sách xã hội huyện C.

2.4. Về án phí: Chị **Nông Thị N** và anh **Triệu Văn Ê** mỗi người phải chịu 75.000,đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; Chị **N** tự nguyện nộp thay phần anh **Ê**; tổng cộng chị **N** phải chịu 150.000,đ án phí để sung vào Ngân sách nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000,đ theo biên lai số 0002372 ngày 07/6/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa thu. Chị **Nông Thị N** được hoàn lại 150.000,đ tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Dương sự;
- UBND xã Bế Văn Đàn;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Hoàng Thúy Quỳnh